

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Cầu lông 1 – Nhóm 08

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thành Quân

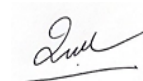
STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122100324	Chu Nguyễn Xuân An	20/12/2004	CCQ2210C	6.5	9	8.0	
2	2122100124	Lê Thị Thúy An	18/09/2004	CCQ2210D	6.8	6	6.3	
3	2122100073	Trương Nhựt Vân An	13/08/2004	CCQ2210C	6.8	7	6.9	
4	2122100123	Nguyễn Ngọc Anh	19/09/2004	CCQ2210D	6.2	6	6.1	
5	2122100086	Nguyễn Thị Kim Anh	07/11/2004	CCQ2210C	7.0	7	7.0	
6	2122100114	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	25/03/2004	CCQ2210D	7.2	8	7.7	
7	2122100090	Lê Thị Bình	27/11/2004	CCQ2210C	8.2	7	7.5	
8	2122100139	Nguyễn Thị Hồng Châu	15/12/2004	CCQ2210D	7.0	6	6.4	
9	2122100097	Nguyễn Thị Kim Cương	20/09/2004	CCQ2210C	8.5	8	8.2	
10	2122100101	Trần Thị Mai Dung	01/10/2004	CCQ2210C	6.2	6	6.1	
11	2122100121	Nguyễn Thị Thu Duyên	21/01/2003	CCQ2210D	0.0	0	0.0	Vắng
12	2122100109	Đào Tăng Ánh Dương	20/02/2004	CCQ2210D	7.3	8	7.7	
13	2122100126	Nguyễn Hoài Hương Giang	13/11/2004	CCQ2210D	6.3	5	5.5	
14	2122100081	Trần Thị Mỹ Giang	09/07/2004	CCQ2210C	8.0	7	7.4	
15	2122100085	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20/10/2004	CCQ2210C	7.3	6	6.5	
16	2122100128	Trần Thị Thúy Hằng	21/09/2004	CCQ2210D	7.5	6	6.6	
17	2122100102	Hồ Gia Hân	09/06/2004	CCQ2210C	8.8	7	7.7	
18	2122100075	Võ Mỹ Hiên	16/04/2004	CCQ2210C	7.5	6	6.6	
19	2122100135	Cao Thị Bích Hòa	11/08/2004	CCQ2210D	7.7	7	7.3	
20	2122100129	Đỗ Thanh Hòa	20/12/2004	CCQ2210D	9.0	6	7.2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2122100131	Phạm Thị Linh	20/04/2004	CCQ2210D	7.8	5	6.1	
22	2122100095	Đỗ Thảo Lương	22/02/2004	CCQ2210C	6.2	6	6.1	
23	2122100117	Nguyễn Thị Ly	08/06/2004	CCQ2210D	6.0	7	6.6	
24	2122100141	Nguyễn Thị Hồng Ly	14/09/2003	CCQ2210D	7.0	8	7.6	
25	2122100099	Huỳnh Thị Bạch Mai	13/04/2004	CCQ2210C	6.3	6	6.1	
26	2122100110	Lê Hồng Mai	07/12/2004	CCQ2210D	7.5	6	6.6	
27	2122100111	Lê Ngọc Mai	07/02/2004	CCQ2210D	8.5	5	6.4	
28	2122100089	Nguyễn Thị Mến	30/09/2004	CCQ2210C	0.0	0	0.0	Vắng
29	2122100083	Nguyễn Hoàng Trà My	29/04/2004	CCQ2210C	8.0	7	7.4	
30	2122100094	Trương Thị Diễm My	11/04/2004	CCQ2210C	7.7	7	7.3	
31	2122100100	Phạm Gia Ngân	19/05/2003	CCQ2210C	7.3	6	6.5	
32	2122100098	Nguyễn Đào Bảo Ngọc	01/09/2004	CCQ2210C	8.7	5	6.5	
33	2122100106	Trịnh Lê Bảo Ngọc	21/07/2004	CCQ2210C	0.0	0	0.0	Vắng
34	2122100084	Nguyễn Thảo Nguyên	29/06/2004	CCQ2210C	5.8	5	5.3	
35	2122100104	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	19/05/2004	CCQ2210C	8.7	4	5.9	
36	2122100142	Nguyễn Trọng Nhân	01/02/2004	CCQ2210D	8.2	8	8.1	
37	2122100088	Châu Thị Yên Nhi	29/08/2004	CCQ2210C	0.0	0	0.0	Vắng
38	2122100091	Đào Liễu Phụng Nhi	11/08/2004	CCQ2210C	6.3	9	7.9	
39	2122100122	Lê Uyên Nhi	22/04/2004	CCQ2210D	9.3	5	6.7	
40	2122100326	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	07/12/2004	CCQ2210C	6.7	7	6.9	
41	2122100078	Lê Thị Quỳnh Như	31/03/2004	CCQ2210C	7.7	10	9.1	
42	2122100327	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	01/05/2004	CCQ2210D	6.0	8	7.2	
43	2122100138	Quách Phan Thụy Bích Quyên	06/07/2003	CCQ2210D	0.0	0	0.0	Vắng
44	2122100136	Lê Thị Tâm	16/02/2003	CCQ2210D	7.0	7	7.0	
45	2122100130	Thái Thị Huyền Tâm	30/10/2004	CCQ2210D	7.3	8	7.7	
46	2122100112	Nguyễn Công Thành	10/01/2004	CCQ2210D	8.5	6	7.0	
47	2122100325	Nguyễn Thị Thảo	09/03/2004	CCQ2210C	7.0	8	7.6	
48	2120170344	Thái Văn Thiện	25/02/2002	CCQ2003F	7.2	6	6.5	
49	2122100119	Phạm Thị Kiều Thu	11/07/2004	CCQ2210D	6.5	6	6.2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2122100115	Lê Thị Phương Thùy	26/03/2004	CCQ2210D	5.8	9	7.7	
51	2122100079	Võ Thị Thanh Thúy	17/07/2004	CCQ2210C	6.2	7	6.7	
52	2122100137	Nguyễn Thị Minh Thư	18/02/2004	CCQ2210D	7.0	6	6.4	
53	2122100087	Bùi Thị Cẩm Tiên	26/07/2004	CCQ2210C	6.3	5	5.5	
54	2122100140	Nguyễn Thị Ngọc Trang	02/04/2004	CCQ2210D	6.8	6	6.3	
55	2122100116	Nguyễn Thị Thu Trang	29/04/2004	CCQ2210D	6.0	10	8.4	
56	2122100127	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/06/2004	CCQ2210D	0.0	0	0.0	Vắng
57	2122100134	Phạm Thị Bích Trâm	14/09/2004	CCQ2210D	7.7	7	7.3	
58	2122100118	Nguyễn Kiều Trinh	06/07/2004	CCQ2210D	7.5	7	7.2	
59	2122100074	Lê Thị Cẩm Tú	08/12/2004	CCQ2210C	7.5	7	7.2	
60	2122100113	Phan Thanh Tuyền	11/10/2004	CCQ2210D	0.0	0	0.0	Vắng
61	2122100103	Đỗ Thị Ngọc Uyên	06/06/2004	CCQ2210C	8.3	10	9.3	
62	2122100105	Nguyễn Thị Thu Uyên	18/08/2004	CCQ2210C	7.3	8	7.7	
63	2122100096	Nguyễn Thị Kim Vàng	21/09/2004	CCQ2210C	6.7	6	6.3	
64	2122100120	Phạm Yến Vy	11/09/2004	CCQ2210D	7.3	9	8.3	
65	2122100107	Trần Thị Tường Vy	07/01/2004	CCQ2210C	0.0	0	0.0	Vắng
66	2122100323	Võ Trần Thuý Vy	17/05/2004	CCQ2210C	8.7	6	7.1	
67	2122100125	Trần Thị Kim Xuân	14/09/2004	CCQ2210D	7.0	10	8.8	
68	2122100093	Văn Thị Kim Xuân	02/04/2004	CCQ2210C	8.8	5	6.5	
69	2122100108	Phan Thị Hải Yến	24/09/2004	CCQ2210D	7.0	6	6.4	

TPHCM, ngày 04 tháng 01 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân